

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn  
của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 22/9/2021;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 668/BQL-KTTĐ ngày 01/11/2021 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 988/TTr-STNMT ngày 26/11/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM của dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

## **Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Nhơn Bình và UBND phường Nhơn Phú theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này. Cụ thể hóa các giải pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng vào các hợp đồng thi công với nhà thầu, hướng dẫn giám sát các nhà thầu thực hiện.

3. Chủ dự án và đơn vị tiếp nhận phải thực hiện các thủ tục liên quan đến khai thác khoáng sản đối với lượng đất thừa phát sinh trong giai đoạn xây dựng theo quy định trước khi vận chuyển ra khỏi dự án.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án.

5. Trường hợp dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý dự án NN&PTNT tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Nhơn Bình, Nhơn Phú;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN**  
**HỆ THỐNG TIÊU THOÁT LŨ SÔNG DINH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN**  
**CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH**  
(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            /            /2021 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

1.3. Địa chỉ: số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện dự án: Phường Nhơn Bình và phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5. Phạm vi, quy mô dự án, công suất dự án:

- Nạo vét, mở rộng, cải tạo dòng chảy thuộc dòng sông Dinh từ đập Phú Xuân đến tràn Quy Nhơn 1, với tổng diện tích 14,14 ha. Cao độ đáy sông: +0,00m (tại vị trí giao với sông Hà Thanh) đến -1,30m (vị trí tràn Quy Nhơn 1). Tổng khối lượng nạo vét: 206.754,2 m<sup>3</sup>.

- Xây dựng đê và kè gia cố bờ sông kết hợp làm đường giao thông trên đỉnh đê toàn tuyến từ ngã ba đầu sông đến tràn Quy Nhơn 1 dài 3.130 m, với tổng chiều dài khoảng 6.154 m 2 bờ.

- Mở rộng khẩu độ cầu Chợ Dinh trên tuyến Quốc lộ 19 cũ để đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mặt dọc 2 bờ.

- Phương án thi công nạo vét: Máy đào (0,8 m<sup>3</sup> đến 1,6 m<sup>3</sup>) → ô tô tự đổ 10 tấn, 7 tấn và 4 tấn → bãi tập kết tạm → ô tô tự đổ 10 tấn → Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01).

Thời gian nạo vét: 18 tháng (từ tháng 1/2022 đến tháng 9/2023).

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án: Đỉnh đê, thân đê, chân đê, mặt đê, hệ thống thoát nước mặt.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công: nước thải sinh hoạt; bùn, cát từ quá trình nạo vét; phát tán chất rắn lơ lửng gây đục nguồn nước, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn từ quá trình nạo vét; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,16 m<sup>3</sup>/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, chất nạo vét đến nơi đổ chất nạo vét; tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 54 kg/ngày.

- Khối lượng chất nạo vét từ quá trình nạo vét là khoảng 206.754,2 m<sup>3</sup>, sau khi tách nước chất nạo vét thì khối lượng chiếm khoảng 95% khối lượng nạo vét: 196.416,49 m<sup>3</sup>, khối lượng đất đào đê: 122.361,52 m<sup>3</sup>. Như vậy, tổng khối lượng nạo vét và đào đê là khoảng 318.778,01 m<sup>3</sup>; Trong đó, khối lượng tận dụng là khoảng 197.268,13 m<sup>3</sup>, khối lượng đất không tận dụng được đem đổ thải khoảng 140.435,15 m<sup>3</sup> (khối lượng đất cát thừa khoảng 130.868,65 m<sup>3</sup> được vận chuyển đi san nền tại Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01) và thực hiện các thủ tục khai thác khoáng sản theo quy định; khối lượng xà bần là 495 m<sup>3</sup> và khối lượng đất phong hóa, bùn, chất hữu cơ các loại là khoảng 9.566,45 m<sup>3</sup> được vận chuyển đi đổ thải tại Khu đất giáp phía Đông Nhà máy XLNT Nhơn Bình).

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn thi công, xây dựng: gồm các loại vật dụng nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải,... với khối lượng phát sinh khoảng 83 kg/năm.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

- Nước mưa chảy tràn: thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông các tuyến thoát nước; thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi, tránh hiện tượng cuốn trôi vật liệu xuống sông Dinh, mương thoát nước.

- Nước thải lẫn bùn, cát: nước thải phát sinh được dẫn về hố lắng, có diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> (khu vực tập kết tạm), có bờ bao xung quanh là đất đắp

cấp 3, đầm chặt, kích thước bờ bao (H=1,0m, B=2,0m). Trong đó có bố trí các ống nhựa D200 để thoát nước từ hố lắng và dẫn thoát ra sông Dinh.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Đối với khu vực tập kết bùn cát: phun chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi hôi.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi.

- Hàng ngày tưới ẩm trên tuyến đường vận chuyển và những khu vực dễ phát sinh bụi.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực nghỉ ngơi của công nhân.

- CTNH: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che).

- Chất thải nạo vét (bùn, cát): bố trí 01 bãi tập kết tạm có tổng diện tích 7.000 m<sup>2</sup>, có bờ bao xung quanh bằng đất.

Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng.

### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện các giải pháp để giảm ồn, rung của thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Để giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp: Chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng, nâng cấp kênh Lạc Trường để tưới thay thế, đảm bảo phục vụ tưới cho khoảng 45 ha diện tích đất nông nghiệp người dân bị ảnh hưởng (thuộc phường Nhơn Bình).

### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Tiến hành nạo vét trong phạm vi, ranh giới đã được cho phép và không tổ chức thi công nạo vét vào mùa mưa, bão.

- Tiến hành quan trắc, đo đạc địa hình đồng thời giám sát chiều sâu nạo vét.

- Cam kết hỗ trợ, đền bù thiệt hại về kinh tế trong quá trình thi công nạo vét làm ảnh hưởng đến sản xuất hợp pháp các hộ dân theo đúng quy định.

## 4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Thiết bị thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- 01 bãi tập kết tạm có diện tích 7.000 m<sup>2</sup>.

- 01 hồ lắng có diện tích 1.000 m<sup>2</sup>.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

### *5.1. Trong giai đoạn thi công của dự án*

Trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

#### a) Giám sát chất thải rắn

- Khu vực tập kết chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại) tại công trường.

- Thông số giám sát: Thành phần và khối lượng các chất thải phát sinh.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

b) Giám sát các thông số nạo vét: Tổ chức giám sát độ sâu, phạm vi, xói lở và ổn định dòng chảy.

#### c) Giám sát sạt lở

- Tổ chức giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở trong quá trình đào đắp, xác định quy mô, mức độ để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Vị trí giám sát: các khu vực đào đắp, khu vực đổ thải.

#### d) Giám sát đổ thải

- Giám sát tại các bãi đổ thải được quy hoạch trước khi thi công.

*5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động:* Giám sát lũ lụt, sạt lở, bồi lấp kênh mương.